

Số: 69/2025/TT-BNNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 11 năm 2025

THÔNG TƯ

QUY ĐỊNH VỀ DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học số 20/2008/QH12;

Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học;

Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Thông tư quy định về Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về điều tra, xác định, thẩm định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân có hoạt động liên quan đến điều tra, xác định, thẩm định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

Điều 3. Điều tra loài ngoại lai xâm hại

1. Nội dung điều tra:

- Tên, đặc điểm sinh học của loài;
- Phạm vi phân bố, môi trường sống, con đường du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng trong điều kiện tự nhiên;
- Tác động đến đa dạng sinh học (loài bản địa và hệ sinh thái) và kinh tế - xã hội;
- Biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai xâm hại.

2. Phương pháp điều tra loài ngoại lai xâm hại: Căn cứ đối tượng điều tra và điều kiện thực tế của khu vực khảo sát, cơ quan, tổ chức quyết định lựa chọn phương pháp điều tra phù hợp để thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp về loài ngoại lai xâm hại.

a) Phương pháp điều tra thu thập số liệu sơ cấp: Quan sát, ghi nhận loài theo tuyến, điểm hoặc ô mẫu; sử dụng thiết bị ghi hình, ghi âm, bẫy ảnh, bẫy sáng, bẫy hổ, thiết bị giám sát tự động; ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái và thiết bị định vị để xác định sinh cảnh và phân bố loài;

b) Phương pháp điều tra thu thập số liệu thứ cấp: tổng hợp từ báo cáo khoa học, cơ sở dữ liệu trong nước và quốc tế về loài ngoại lai xâm hại.

3. Định kỳ 03 năm một lần hoặc khi cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện điều tra loài ngoại lai xâm hại.

Điều 4. Tiêu chí xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai

1. Khả năng xâm nhập của loài ngoại lai vào Việt Nam:

a) Khả năng xâm nhập tự nhiên: nhờ gió, nước, động vật;

b) Khả năng xâm nhập do con người: có chủ đích và không có chủ đích.

2. Khả năng lan rộng của loài ngoại lai tại các vùng sinh thái:

a) Khả năng sinh sản và thiết lập quần thể của loài ngoại lai;

b) Khả năng phát tán của loài ngoại lai.

3. Khả năng gây hại của loài ngoại lai:

a) Khả năng gây hại đối với loài bản địa và hệ sinh thái;

b) Khả năng gây hại đối với kinh tế-xã hội.

4. Báo cáo xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai được quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 5. Danh mục loài ngoại lai xâm hại

1. Trình tự ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại

a) Căn cứ báo cáo kết quả điều tra của Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học lập Báo cáo xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai kèm theo Danh mục loài ngoại lai xâm hại;

b) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày hoàn thiện Báo cáo đánh giá nguy cơ xâm hại của từng loài, Cục Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thành lập Hội đồng thẩm định Danh mục loài ngoại lai xâm hại. Thành phần Hội đồng gồm: chủ trì là Lãnh đạo Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học, đại diện các cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và các chuyên gia;

c) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày được thành lập, Hội đồng thẩm định tổ chức đánh giá hồ sơ, lập Biên bản họp theo Mẫu số 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

d) Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có Biên bản thẩm định, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học lấy ý kiến các cơ quan chuyên môn của Bộ Nông nghiệp và Môi trường bằng văn bản theo Mẫu số 03 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;

đ) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh, các cơ quan chuyên môn được lấy ý kiến gửi văn bản trả lời;

e) Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được ý kiến của các cơ quan chuyên môn, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học trình Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Hồ sơ gồm: báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các bên liên quan; văn bản góp ý của các cơ quan chuyên môn đối với Danh mục loài ngoại lai xâm hại được đề xuất sửa đổi, bổ sung; biên bản họp Hội đồng thẩm định loài ngoại lai xâm hại theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này; phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng thẩm định loài ngoại lai xâm hại theo Mẫu số 04 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; tổng hợp Danh mục loài ngoại lai được đề xuất sửa đổi, bổ sung kèm theo Báo cáo xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai theo quy định tại khoản 4 Điều 4; các tài liệu liên quan khác (nếu có);

g) Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét, quyết định ban hành Danh mục hoặc sửa đổi, bổ sung Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

2. Danh mục loài ngoại lai xâm hại được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Định kỳ 03 năm một lần hoặc khi cần thiết, Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

Điều 6. Trách nhiệm thi hành

1. Các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học: Chủ trì triển khai thực hiện các quy định của Thông tư này; đề xuất Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét thực hiện điều tra bổ sung loài ngoại lai xâm hại trên phạm vi toàn quốc đối với các trường hợp loài ngoại lai xâm hại xuất hiện trên địa bàn 02 tỉnh trở lên hoặc có nguy cơ xâm hại lớn và lập Báo cáo kết quả điều tra loài ngoại lai xâm hại theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này; chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý chuyên ngành tham mưu Bộ

trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét sửa đổi, bổ sung Danh mục loài ngoại lai xâm hại; công khai Danh mục loài ngoại lai xâm hại trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường và của Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học;

b) Các Cục quản lý nhà nước chuyên ngành: theo chức năng, nhiệm vụ được giao có trách nhiệm phối hợp với Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học tổ chức thực hiện các nội dung theo quy định tại Thông tư này; đề xuất điều tra, đánh giá các loài ngoại lai xâm hại theo lĩnh vực chuyên môn thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao;

c) Vụ Kế hoạch - Tài chính đảm bảo kinh phí hằng năm cho các đơn vị trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Môi trường để triển khai thực hiện Thông tư này theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

a) Tổ chức thực hiện Thông tư này trên địa bàn tỉnh;

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn điều tra, xác định, lập Danh mục loài ngoại lai xâm hại thuộc địa bàn tỉnh trên cơ sở Danh mục loài ngoại lai xâm hại quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Định kỳ trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, gửi Báo cáo kết quả điều tra loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh theo Mẫu số 05 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này về Bộ Nông nghiệp và Môi trường hoặc khi loài ngoại lai xâm hại có ảnh hưởng lớn đến kinh tế - xã hội của địa phương;

d) Bố trí kinh phí để triển khai điều tra, đánh giá, lập Danh mục loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn tỉnh.

Điều 7. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 01 năm 2026.

2. Thông tư số 35/2018/TT-BTNMT ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định tiêu chí xác định và ban hành Danh mục loài ngoại lai xâm hại hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

3. Các Bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thực hiện Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục KTVB và Quản lý xử lý VPHC - Bộ Tư pháp;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Sở NN&MT các tỉnh, TP trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Công Thông tin điện tử Chính phủ;
- Bộ NNMT: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; các đơn vị trực thuộc Bộ; Công Thông tin điện tử;
- Lưu: VT, BTNN (3b).

Nguyễn Quốc Trị

PHỤ LỤC I

CÁC BIỂU MẪU

(Ban hành kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

Mẫu số 01	Báo cáo xác định nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai
Mẫu số 02	Biên bản họp Hội đồng thẩm định loài ngoại lai xâm hại
Mẫu số 03	Văn bản lấy ý kiến về Danh mục loài ngoại lai xâm hại
Mẫu số 04	Phiếu đánh giá loài ngoại lai xâm hại
Mẫu số 05	Báo cáo kết quả điều tra loài ngoại lai xâm hại

Mẫu số 01

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH NGUY CƠ XÂM HẠI CỦA LOÀI NGOẠI LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO XÁC ĐỊNH NGUY CƠ XÂM HẠI CỦA LOÀI NGOẠI LAI

(Áp dụng đối với từng loài ngoại lai)

I. THÔNG TIN VỀ LOÀI NGOẠI LAI

1. Tên tiếng Việt.
2. Tên khoa học.
3. Thuộc đối tượng (động vật/thực vật/vi sinh vật).
4. Phân loại học (Giới, Ngành, Lớp, Bộ, Họ).
5. Nguồn gốc phân bố.
6. Lịch sử xuất hiện tại Việt Nam (đã được ghi nhận xuất hiện, xâm hại tại Việt Nam hoặc chưa ghi nhận xuất hiện, xâm hại ở Việt Nam).
7. Đặc điểm sinh học (Đặc điểm hình thái; môi trường sống tự nhiên; dinh dưỡng, sinh sản, vòng đời và con đường phát tán tự nhiên, thiên địch).
8. Các con đường du nhập chính và mức độ xâm hại của loài trên thế giới.
9. Thông tin về loài ngoại lai thuộc các Danh mục: Danh mục đối tượng kiểm dịch thực vật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Danh mục bệnh động vật phải công bố dịch, Danh mục loài thủy sản được phép kinh doanh tại Việt Nam.....
10. Các biện pháp kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai (các biện pháp cơ học, hóa học, sinh học, quản lý môi trường sống...).

II. XÁC ĐỊNH NGUY CƠ XÂM HẠI CỦA LOÀI NGOẠI LAI

Loài ngoại lai được xác định nguy cơ xâm hại thông qua các tiêu chí sau:

2.1. Tiêu chí 1: Khả năng xâm nhập của loài ngoại lai vào Việt Nam

a) Khả năng xâm nhập tự nhiên (gió, nước, động vật);

b) Khả năng xâm nhập do con người

- Nhờ các hoạt động không chủ đích của con người như: phương tiện vận tải; giày, dép, đồ dùng của du khách; tạp lẩn trong hàng hoá, thất thoát ra ngoài tự nhiên trong quá trình vận chuyển...;

- Nhờ các hoạt động có chủ đích của con người như: nhập khẩu để nuôi, trồng hoặc buôn bán, nghiên cứu....

2.2. Tiêu chí 2: Khả năng lan rộng của loài ngoại lai tại các vùng sinh thái

a) Khả năng sinh sản và thiết lập quần thể

- Điều kiện khí hậu của Việt Nam phù hợp cho sự thiết lập quần thể của loài ngoại lai (mô tả tính tương đồng của khí hậu Việt Nam với vùng phân bố gốc của loài ngoại lai để xác định mức độ phù hợp về điều kiện khí hậu cho sự sinh trưởng và sinh sản tự nhiên ở Việt Nam);

- Môi trường tự nhiên ở Việt Nam phù hợp cho sự thiết lập quần thể của loài ngoại lai (mô tả sự phù hợp của môi trường sống tự nhiên ở Việt Nam cho việc sinh trưởng và sinh sản của loài ngoại lai. Môi trường sống bao gồm sự hiện diện của các loại thức ăn, vật chủ, loài thụ phấn, loài phát tán hạt và các điều kiện sinh học phù hợp khác).

b) Khả năng phát tán của loài ngoại lai

- Nhờ tự nhiên như: gió, nước hoặc động vật...;

- Nhờ hoạt động của con người như: Nhờ các hoạt động không chủ đích của con người như: phương tiện vận tải; giày, dép, đồ dùng của du khách; tạp lẫn trong hàng hoá, thất thoát ra ngoài tự nhiên trong quá trình vận chuyển, nhập khẩu để nuôi, trồng hoặc buôn bán, nghiên cứu...

2.3. Tiêu chí 3: Khả năng gây hại của loài ngoại lai

Tiêu chí 3.1: Khả năng gây hại đến đa dạng sinh học

- Khả năng gây hại đến các loài bản địa như săn mồi, ký sinh hoặc ăn thực vật;

- Cạnh tranh (về thức ăn, nơi ở) với các loài bản địa (đánh giá sự suy giảm quần đàn của các loài bản địa, cần được bảo tồn);

- Lai tạp với các loài bản địa (khả năng giao phối với các loài bản địa, ảnh hưởng đến tính toàn vẹn di truyền của các loài cần được bảo tồn);

- Lây truyền mầm bệnh hoặc ký sinh trùng gây hại cho các loài bản địa (Tham khảo cơ sở dữ liệu về các bệnh được cảnh báo bởi các cơ quan, tổ chức quốc tế như Tổ chức Thú y thế giới... khi đánh giá);

- Tác động đến tính toàn vẹn của hệ sinh thái do làm thay đổi các yếu tố vô sinh (các thông số vật lý, hóa học như O₂, độ đục, độ pH, độ mặn, các chất dinh dưỡng, ánh sáng...);

- Tác động đến tính toàn vẹn của hệ sinh thái do làm thay đổi các yếu tố hữu sinh (chuỗi thức ăn, thụ phấn, phát tán...).

Tiêu chí 3.2: Khả năng gây hại đối với kinh tế - xã hội

a) Khả năng gây hại đến cây trồng

- Ăn các cây trồng (làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng) (*Không áp dụng nếu loài ngoại lai là thực vật*);
- Cạnh tranh với các cây trồng (đinh dưỡng, ánh sáng làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng) (*Không áp dụng nếu loài ngoại lai không phải là thực vật*);
- Lai tạp với các cây trồng (làm giảm năng suất, sản lượng cây trồng) (*Không áp dụng nếu loài ngoại lai không phải là thực vật*);
- Ảnh hưởng đến tính toàn vẹn của hệ thống canh tác (như tác động đến chu trình dinh dưỡng, thủy văn, môi trường sống vật lý, lưới thức ăn...);
- Lan truyền mầm bệnh hoặc ký sinh trùng gây hại cho cây trồng (Tham khảo cơ sở dữ liệu về các bệnh được cảnh báo bởi các cơ quan, tổ chức về kiểm dịch thực vật khi đánh giá).

b) Khả năng gây hại đến vật nuôi

- Tác động đến các vật nuôi thông qua hành vi săn mồi (làm giảm năng suất, sản lượng vật nuôi) (*Không áp dụng nếu loài ngoại lai là thực vật*);
- Tác động đến các vật nuôi do có các đặc tính nguy hiểm khi tiếp xúc (có các đặc tính sinh học, vật lý và/hoặc hóa học gây hại khi tiếp xúc như độc tố hoặc chất gây dị ứng hoặc hành vi hung hăng...);
- Lây truyền các mầm bệnh hoặc ký sinh trùng có hại cho các vật nuôi (Tham khảo các cơ sở dữ liệu các bệnh được cảnh báo bởi các cơ quan, tổ chức quốc tế như Tổ chức Thú y thế giới khi đánh giá).

c) Tác động đến cơ sở hạ tầng (như đường sá, bờ, kè, đê, đập...).

III. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

1.1. Tóm tắt nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai tại Việt Nam (nêu bật những tác động tiêu cực chính của loài ngoại lai).

1.2. Những cân nhắc về ảnh hưởng đối với kinh tế - xã hội khi đưa loài vào hoặc ra khỏi Danh mục loài ngoại lai xâm hại (nếu có).

3. Kiến nghị

Căn cứ kết quả đánh giá nguy cơ xâm hại và cân nhắc ảnh hưởng đối với kinh tế - xã hội của loài ngoại lai để kiến nghị:

- ☐ Đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại.
- ☐ Không đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại

Các kiến nghị khác (nếu có).

4. Đề xuất các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai xâm hại.

Hà Nội, ngày tháng năm 2025
**CỤC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN
VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC**
(Ký và đóng dấu)

Mẫu số 02

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

Hà Nội, ngày tháng năm

**BIÊN BẢN HỌP
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI**

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Quyết định thành lập Hội đồng:
2. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:
3. Số thành viên Hội đồng tham dự trên tổng số thành viên:

Tham dự:người

Không tham dự:người

5. Khách mời tham dự họp Hội đồng:

II. NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.
2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà.....làm Thư ký của Hội đồng.
3. Kết quả tổng hợp Phiếu thăm định của Hội đồng với từng loài.

III. KẾT QUẢ HỌP HỘI ĐỒNG THĂM ĐỊNH LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

Hội đồng thảo luận và thống nhất tên, khu vực phân bố, mức độ xâm hại của các loài ngoại lai được đề xuất trong danh mục (*Biểu tổng hợp kết quả họp thăm định Danh mục loài ngoại lai xâm hại*).

THƯ KÝ
(Họ tên và chữ ký)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Họ tên và chữ ký)

Mẫu số 03

VĂN BẢN LẤY Ý KIẾN VỀ DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG
CỤC BẢO TỒN THIÊN
NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH
HỌC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BTTN-....

Hà Nội, ngày tháng năm 20...

V/v lấy ý kiến về dự thảo Danh
mục loài ngoại lai xâm hại

Kính gửi:

Thực hiện Chương trình công tác năm ... của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học đã tổng hợp Danh mục loài ngoại lai xâm hại được đề xuất sửa đổi, bổ sung kèm theo Báo cáo đánh giá nguy cơ xâm hại của từng loài. Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học trân trọng đề nghị quý Cơ quan cho ý kiến đối với các loài trong Danh mục loài ngoại lai xâm hại đề xuất.

Văn bản phúc đáp đề nghị gửi về Cục Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học trước **ngày ... tháng năm 20...** để hoàn thiện dự thảo Danh mục nêu trên và báo cáo Lãnh đạo Bộ xem xét, quyết định. Sau thời hạn nêu trên, quý Cơ quan không có văn bản trả lời sẽ coi là đồng ý với dự thảo Danh mục loài ngoại lai xâm hại đề xuất nêu trên và chịu trách nhiệm về các nội dung liên quan thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ tham mưu quản lý nhà nước của cơ quan, đơn vị mình.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của quý Cơ quan./.

Tài liệu kèm theo gồm:

- Dự thảo Danh mục loài ngoại lai xâm hại dự theo ý kiến của Hội đồng thẩm định;
- Báo cáo đánh giá nguy cơ xâm hại của từng loài.

CỤC TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, ..

Mẫu số 04

MẪU PHIẾU ĐÁNH GIÁ LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ
MÔI TRƯỜNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

PHIẾU ĐÁNH GIÁ LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

I. Thông tin về thành viên Hội đồng

1. Họ và tên:
2. Chức vụ:
3. Học hàm, học vị:

4. Đơn vị công tác:

II. Thông tin về đánh giá nguy cơ xâm hại của loài ngoại lai đề nghị thẩm định

1. Tên khoa học:.....

2. Tên tiếng Việt:.....

3. Thuộc đối tượng: ☐ Động vật ☐ Thực vật ☐ Vi sinh vật

4. Phân loại học: Giới: Ngành: Lớp:..... Bộ:..... Họ:

5. Khu vực phân bố (nguồn gốc phân bố):

Thông tin bổ sung (nếu có) và trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo:

6. Ghi nhận xuất hiện tại Việt Nam:

Thông tin bổ sung (nếu có) và trích dẫn nguồn tài liệu tham khảo:

7. Những cân nhắc về ảnh hưởng đối với kinh tế - xã hội khi đưa loài vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài ngoại lai xâm hại (nếu có).

III. Đề xuất và kiến nghị:

1. Đề xuất đối với loài ngoại lai

☐ Đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

☐ Không đưa vào Danh mục loài ngoại lai xâm hại.

2. Kiến nghị:

Ngày ... tháng ... năm ...
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

Mẫu số 05

BÁO CÁO KẾT QUẢ ĐIỀU TRA LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

(Tên Cơ quan/Đơn vị)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /BC-.....

....., ngàytháng.....năm.....

Vv: báo cáo kết quả điều tra loài
ngoại lai xâm hại

Kính gửi:.....

I. THÔNG TIN VỀ LOÀI NGOẠI LAI

1. Phạm vi điều tra

2. Thời gian điều tra

3. Nội dung điều tra

a) Tên tiếng Việt (tên đồng danh), tên khoa học, đặc điểm sinh học của loài;

b) Phạm vi phân bố, môi trường sống, con đường du nhập, thiết lập quần thể và lan rộng trong điều kiện tự nhiên;

c) Tác động đến đa dạng sinh học (loài bản địa, hệ sinh thái) và kinh tế-xã hội;

d) Biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và khả năng diệt trừ loài ngoại lai xâm hại.

4. Phương pháp thực hiện: Căn cứ đối tượng điều tra và điều kiện thực tế của khu vực khảo sát, cơ quan, tổ chức quyết định lựa chọn phương pháp điều tra phù hợp để thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp về loài ngoại lai xâm hại.

a) Phương pháp điều tra thu thập số liệu sơ cấp: Quan sát, ghi nhận loài theo tuyến, điểm hoặc ô mẫu; thu mẫu thực vật, động vật, vi sinh vật và mẫu môi trường (đất, nước, không khí, eDNA); sử dụng thiết bị ghi hình, ghi âm, bẫy ảnh, bẫy sáng, bẫy hổ, thiết bị giám sát tự động; ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái (UAV), và thiết bị định vị (GPS) để xác định sinh cảnh và phân bố loài.

b) Phương pháp điều tra số liệu thứ cấp được tổng hợp từ các báo cáo khoa học, cơ sở thông tin, dữ liệu trong nước và quốc tế về loài ngoại lai xâm hại.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐIỀU TRA LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

1. Danh mục các loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn của tỉnh, thành phố (bao gồm: tên tiếng Việt, tên khoa học và lý do đề xuất đưa vào hoặc đưa ra khỏi Danh mục loài ngoại lai xâm hại). Cung cấp thông tin chi tiết đối với từng loài ngoại lai xâm hại kèm theo.

2. Tình hình thực hiện quy định pháp luật về ngăn ngừa và kiểm soát loài ngoại lai xâm hại trên địa bàn của tỉnh/thành phố.

3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.

4. Đề xuất và kiến nghị.

Thông tin về kết quả điều tra đối với từng loài ngoại lai xâm hại kèm theo báo cáo này.

Nơi nhận:

- Như trên;
-

....., ngày ... tháng ... năm ...
Đại diện Lãnh đạo Cơ quan/ Đơn vị
(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐIỀU TRA ĐỐI VỚI LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

(Tên loài:.....)

(kèm theo Báo cáo số /BC-.... ngày tháng năm của ...(tên đơn vị))

I. THÔNG TIN VỀ LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI (Căn cứ thông tin dẫn chứng từ các tài liệu thu thập, tham khảo chọn lọc, kết quả điều tra thực địa để mô tả thông tin)

1. Tên khoa học:

2. Tên tiếng Việt:.....

3. Đặc điểm sinh học của loài:

- Đặc điểm hình thái: kích thước, màu sắc, hình dáng điển hình ở giai đoạn trưởng thành.

- Đặc điểm dinh dưỡng và sinh trưởng: đặc tính bắt mồi, thành phần thức ăn (đối với động vật), dinh dưỡng, ánh sáng (đối với thực vật), tốc độ sinh trưởng;

- Đặc điểm sinh sản: phương thức sinh sản (hữu tính, vô tính), số lượng cây/ con non mỗi chu kỳ, chu kỳ sinh sản (tính theo ngày, tháng hoặc năm); thời gian phát triển đến tuổi trưởng thành, số thế hệ mỗi năm;

- Đặc điểm phát tán: khả năng phát tán (bay, bơi, lây lan qua nước, gió, động vật...), khoảng cách di chuyển;

- Tốc độ sinh trưởng và vòng đời: thời gian phát triển đến tuổi trưởng thành, số thế hệ mỗi năm;

- Khả năng thích nghi: khả năng chịu được nhiều kiểu môi trường, khí hậu, khả năng tồn tại trong điều kiện bất lợi.

II. PHẠM VI PHÂN BỐ, MÔI TRƯỜNG SỐNG, TÌNH TRẠNG DU NHẬP, LAN RỘNG VÀ THIẾT LẬP QUẦN THỂ TRONG ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN

1. Phạm vi phân bố

- Ghi rõ loài này có phân bố tại khu vực nào trên thế giới (châu lục, quốc gia), và đặc biệt đã ghi nhận tại các tỉnh/thành nào ở Việt Nam (nếu có);
- Nếu chưa phát hiện ở Việt Nam, dự báo khu vực có nguy cơ xâm nhập.

2. Môi trường sống

- Mô tả kiểu sinh cảnh mà loài này sinh sống như: nước ngọt, nước mặn/lợ, rừng nguyên sinh, đất nông nghiệp, đất hoang, đô thị...;
- Có thể sử dụng các chỉ số sinh thái như độ mặn, pH, độ ẩm, nhiệt độ trung bình mà loài ưa thích.

3. Con đường du nhập

Liệt kê rõ các con đường mà loài có thể hoặc đã du nhập vào địa bàn:

- Chủ đích: thương mại, nuôi trồng, nghiên cứu, thú cảnh...
- Không chủ đích: phương tiện vận tải; giày, dép, đồ dùng của du khách; tạp lẫn trong hàng hoá, thất thoát ra ngoài tự nhiên trong quá trình vận chuyển, nhập khẩu để nuôi, trồng hoặc buôn bán, nghiên cứu...
- Con đường tự nhiên: gió, nước, qua động vật.

4. Tình trạng thiết lập quần thể

Xác định quần thể sinh sản tự nhiên của loài trên địa bàn. Nếu có, mô tả đặc điểm: quy mô, mật độ, vòng đời.

5. Tình trạng lan rộng

- Mức độ lan rộng của loài. Ghi rõ các con đường lan rộng, tốc độ lan rộng (vùng bị ảnh hưởng);
- Khả năng bùng phát số lượng tại nơi loài xuất hiện.

III. TÁC ĐỘNG ĐẾN ĐA DẠNG SINH HỌC VÀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tác động đến đa dạng sinh học (loài bản địa, hệ sinh thái)

- Săn mồi, cạnh tranh nơi sống, thức ăn với loài bản địa;
- Lai tạp làm suy giảm nguồn gen của loài bản địa;
- Là vật chủ trung gian truyền mầm bệnh đến loài bản địa;
- Thay đổi các đặc điểm vật lý/hóa học của hệ sinh thái như: độ trong của nước, độ pH, lượng oxy, khả năng lọc nước...;
- Thay đổi cấu trúc quần xã của hệ sinh thái.

2. Tác động đến kinh tế - xã hội

- Gây hại cho cây trồng (ăn rễ, lá, thân, cạnh tranh, gây hoặc lan truyền bệnh);
- Tác động đến vật nuôi (ăn thịt, cạnh tranh, gây hoặc lan truyền bệnh);
- Tác động đến sinh kế, hệ thống thủy lợi, đê điều, giao thông đường bộ, đường thủy hoặc các công trình xây dựng.

IV. BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA, KIỂM SOÁT VÀ DIỆT TRỪ LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

Nêu các biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và diệt trừ loài ngoại lai xâm hại đang được triển khai trên địa bàn tỉnh và tính hiệu quả của các biện pháp này:

1. Biện pháp ngăn ngừa

- Kiểm soát đường nhập khẩu: kiểm dịch, giám sát thương mại, cấm nuôi trồng/thú cảnh...;
- Truyền thông nâng cao nhận thức, cảnh báo cộng đồng;
- Đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp này.

2. Biện pháp ngăn ngừa, kiểm soát và diệt trừ

- Biện pháp sinh học (thiên địch), cơ học (bắt, dọn, chặn dòng), hóa học (thuốc trừ cỏ, bả...), sinh thái (ví dụ biện pháp lâm sinh);
- Đánh giá tính hiệu quả của các biện pháp (chi phí tài chính, nhân lực);
- Có nguy cơ ảnh hưởng không mong muốn (ví dụ: diệt cả loài bản địa).

3. Các thông tin liên quan khác (bao gồm cả việc sử dụng và phát triển (nếu có))

V. ĐỀ XUẤT BIỆN PHÁP NGĂN NGỪA VÀ KIỂM SOÁT LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

PHỤ LỤC II

DANH MỤC LOÀI NGOẠI LAI XÂM HẠI

(Ban hành kèm theo Thông tư số 69/2025/TT-BNNMT ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)

STT	Tên tiếng Việt	Tên khoa học
A. Vi sinh vật		
1	Nấm gây bệnh thối rễ	<i>Phytophthora cinnamomi</i>
2	Vi khuẩn gây bệnh dịch hạch ở chuột và động vật	<i>Yersinia pestis</i>
3	Vi-rút gây bệnh chùn ngọn chuối	<i>Banana bunchy top virus</i>
B. Động vật		
1	Bọ cánh cứng hại lá dừa	<i>Brontispa longissima</i>
2	Cá ăn muỗi	<i>Gambusia affinis</i>
3	Cá hổ	<i>Pygocentrus nattereri</i>
4	Cá hồi nâu	<i>Salmo trutta</i>
5	Cá rô phi đen	<i>Oreochromis mossambicus</i>
6	Cá tỳ bà bé (cá dọn bể bé)	<i>Hypostomus plecostomus</i>
7	Cá tỳ bà lớn (cá dọn bể lớn)	<i>Pterygoplichthys pardalis</i> <i>Pterygoplichthys multiradiatus</i> <i>Pterygoplichthys disjunctivus</i> <i>Pterygoplichthys anisitsi</i>
8	Cá vược miệng bé	<i>Micropterus dolomieu</i>
9	Cá vược miệng rộng	<i>Micropterus salmoides</i>
10	Cá vược sông Nile	<i>Lates niloticus</i>
11	Chồn ecmin	<i>Mustela erminea</i>

12	Cóc mía	<i>Bufo marinus</i>
13	Cua xanh (cua ven bờ châu Âu)	<i>Carcinus maenas</i>
14	Ếch Ca-ri-bê	<i>Eleutherodactylus coqui</i>
15	Ếch ương beo	<i>Rana catesbeiana</i>
16	Giáp xác râu ngành pengoi	<i>Cercopagis pengoi</i>
17	Hải ly Nam Mỹ	<i>Myocastor coypus</i>
18	Kiến Ac-hen-ti-na	<i>Linepithema humile</i>
19	Kiến đầu to	<i>Pheidole megacephala</i>
20	Kiến lửa đỏ nhập khẩu (kiến lửa đỏ)	<i>Solenopsis invicta</i>
21	Ốc bươu vàng	<i>Pomacea canaliculata</i>
22	Ốc sên châu Phi	<i>Achatina fulica</i>
23	Rắn nâu leo cây	<i>Boiga irregularis</i>
24	Rùa tai đỏ	<i>Trachemys scripta</i>
25	Sán ốc sên	<i>Platydemus manokwari</i>
26	Sao biển Bắc Thái Bình Dương	<i>Asterias amurensis</i>
27	Sên sỏi tía	<i>Euglandina rosea</i>
28	Sóc nâu, sóc xám	<i>Sciurus carolinensis</i>
29	Sứa lược Leidy	<i>Mnemiopsis leidyi</i>
30	Thú opôt	<i>Trichosurus vulpecula</i>
31	Tôm càng đỏ	<i>Cherax quadricarinatus</i>
32	Tôm hùm nước ngọt	<i>Procambarus clarkii</i>
33	Trai Địa Trung Hải	<i>Mytilus galloprovincialis</i>
34	Trai Trung Hoa	<i>Potamocorbula amurensis</i>
35	Trai vằn	<i>Dreissena polymorpha</i>
36	Xén tóc hại gỗ châu Á	<i>Anoplophora glabripennis</i>
C. Thực vật		
1	Bèo tai chuột lớn	<i>Salvinia molesta</i>
2	Bèo tây (bèo Lục bình, bèo Nhật Bản)	<i>Eichhornia crassipes</i>
3	Cây chân châu tía	<i>Lythrum salicaria</i>

4	Cây cúc bò (cúc xuyên chi)	<i>Sphagneticola trilobata</i>
5	Cây cúc leo	<i>Mikania micrantha</i>
6	Cây cúc lợn (cỏ cúc heo)	<i>Ageratum conyzoides</i>
7	Cây đương Prosopis	<i>Prosopis glandulosa</i>
8	Cây hoa Tulip châu Phi (cây Uất kim hương châu Phi)	<i>Spathodea campanulata</i>
9	Cây kim tước	<i>Ulex europaeus</i>
10	Cây lược vàng	<i>Callisia fragrans</i>
11	Cây Miconia	<i>Miconia calvenscens</i>
12	Cây ngũ sắc (bông ổi)	<i>Lantana camara</i>
13	Cây thánh liều	<i>Tamarix ramosissima</i>
14	Cây xương rồng đất	<i>Opuntia stricta</i>
15	Chút chút nhật	<i>Fallopia japonica</i>
16	Cỏ đuôi chồn	<i>Pennisetum setaceum</i> (syn. <i>Cenchrus setaceus</i>)
17	Cỏ echin	<i>Cenchrus echinatus</i>
18	Cỏ kê Guinea	<i>Urochloa maxima</i>
19	Cỏ kê Para	<i>Urochloa mutica</i>
20	Cỏ lào	<i>Chromolaena odorata</i>
21	Cỏ lào đỏ	<i>Ageratina adenophora</i> (<i>Eupatorium adenophorum</i>)
22	Cỏ nước lợ	<i>Paspalum vaginatum</i>
23	Cúc liên chi	<i>Parthenium hysterophorus</i>
24	Dầu mè tía	<i>Jatropha gossypifolia</i> L.
25	Gừng dại (ngải tiên dại)	<i>Hedychium gardnerianum</i>
26	Rong lá ngò	<i>Cabomba caroliniana</i>
27	Trinh nữ móc	<i>Mimosa diplotricha</i>
28	Trinh nữ thân gỗ (mai dương)	<i>Mimosa pigra</i>